

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 751/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HN ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hồng X, sinh năm 1981

ĐKTT: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Việt T, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng X trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Việt T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2023 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là: Nguyễn Việt S, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1999; Nguyễn Thu T1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2015. Hiện cháu S đã trưởng thành, cháu T1 do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Việt T; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu T1, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Việt S đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không đề cập; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Nguyễn Việt T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

- Tại văn bản ngày 15 tháng 11 năm 2024, con chung của nguyên đơn và bị đơn là Nguyễn Thu T1 trình bày nguyện vọng muốn sống chung với nguyên đơn nếu nguyên đơn và bị đơn ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hay do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn phát sinh giữa các đương sự tuy chưa đến mức độ trầm trọng, nhưng các đương sự không tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà lựa chọn giải pháp sống ly thân, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Thời gian sống ly thân từ năm 2023 đến nay, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không. Từ đó cũng đủ thấy hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung:

Đối với con chung là Nguyễn Việt S hiện đã trên 18 tuổi, đồng thời nguyên đơn xác định cháu S không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thu T1 đã được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay, đồng thời cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn sống chung với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn đối với cháu Nguyễn Thu T1 là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định mình có đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản: Nguyên đơn xác định các đương sự không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có mặt để xác định có tài sản chung, nợ chung hay không, có yêu cầu Tòa án giải quyết hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng X.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng X được ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Hồng X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2015; ông Nguyễn

Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Hồng X cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Việt T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007486 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Tân Phước Hưng, H. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng